

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship U18

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Li Ang 8606870, Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436, FA Chuah, Jin Hai Jonathan 5700876, NA Yin Hongbin 8
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1949
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 5 on 2018/08/05 at 09:00

Bo.	SNo.	Name	Name	FED	Pts	Res.	Pts		FED	Name	SNo.
1	1		Chen QiB	CHN	3½	1-0	3	FM	CHN	Peng Shunkai	2
2	6	FM	Garidmagnai Byambasuren	MGL	3	1-0	3½	FM	CHN	Xu Zhihang	4
3	7		Tantipura Noppakorn	THA	2	½-½	2½		CHN	Pang Tao	3
4	8		Eng Jia Qian	MAS	2	½-½	2		CHN	Li Yimin	13
5	9		Wang Ze	CHN	1½	0-1	2	FM	INA	Pasaribu Ivan Maxmillian Putra	5
6	11		Yeoh Yuan Hui	MAS	1	½-½	1½		TPE	Wang Ting-Hao	10
	12		Wang Youxu	CHN	½					Bye	

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI.Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh.Teufelg.39-47/7/9,
 Mail:h.herzog@swiss-manager.at,homepage <http://swiss-manager.at>, User:Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 18/8/15 轮次 Round: 5 台次 Board: 1

白方 White: Chen Qi B 国籍 Federation: chn 等级分 Rating: 2415

黑方 Black: Peng Shun kai 国籍 Federation: chn 等级分 Rating: 2388

组别 Group

U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	g6	31	g3	N8e7	61	Bd4	Ne7
2	d4	g6	32	g7	N3b	62	h5	N98
3	Nc3	Bb4	33	Bf3	Rc8	63	B97	Kb6
4	e5	c5	34	Ka2	Ke7	64	h6	N96
5	a3	Bg5	35	Nh5	Rf5	65	B9b	
6	b4	ca	36	Pf1	R98	66		
7	Nb5	Bc7	37	Bb6	R95	67		
8	f4	Bd7	38	ie6	Kc6	68		
9	Nc7	ac7	39	B96	Ke7	69		
10	Bb3	Ne7	40	Q	Ne7	70		
11	Bb2	Ba4	41	R95	Qc6	71		
12	N93	ab	42	f5	Qc2	72		
13	Bd2	Nb6	43	B3	Qc3	73		
14	g6	Qb6	44	2b	Ke8	74		
15	Bf2	B95	45	f6	N96	75		
16	Nd4	Bb3	46	f5	K98	76		
17	ca	g6	47	Qd4	Bc7	77		
18	Rfcl	h5	48	B93	a	78		
19	Rc5	Ke7	49	Qd2	Qd2	79		
20	Rac1	Rhcs	50	Rd	Q	80		
21	N93	Ba7	51	Rf2	Ke6			
22	N95	Db	52	B07	Kf7			
23	R5c2	Ke8	53	K3	Ke6			
24	Nh7	Qb7	54	Ke2	Ke6			
25	R3	Nal	55	Bd2	Ke6			
26	N96	Kd8	56	Qf	Ne7			
27	Bd4	Ra08	57	N4	Nd5			
28	Rc8	Nac8	58	b5	ab			
29	g4	Ncb	59	ab	Ke6			
30	gh	gh	60	Qb	Ke6			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Chen Qi	
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 1 组别 Group: U18
 白方 White: Chen ai 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Peng Shun kai 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	Nc3	0b4
4	e5	c5
5	a3	Ba5
6	b4	cd
7	Nb5	0c7
8	f4	Bd7
9	Nc7	ac7
10	Bd3	Ne7
11	Bb2	0a4
12	Nf3	a6
13	0d2	nc6
14	00	abb
15	0f2	Bb5
16	Nd4	Bd3
17	cd	g6
18	Rfc1	h5
19	Rc5	kd7
20	Rac1	Rhc8
21	Nf3	0a7
22	Ng5	bb
23	R5c2	ke8
24	Nh7	0b7
25	h3	Na7
26	Nf6	kd8
27	Bd4	Rab8
28	Rc8	Na8
29	g4	nc6
30	gh	gh

	White	Black
31	0g3	Nge7
32	0g7	Nf6
33	Bf2	Rc8
34	Kh2	Ke7
35	gh5	Rf9
36	Rg1	Rh8
37	Rg6	Rh5
38	Re6	ke6
39	0f6	kd7
40	0f7	Ne7
41	0h5	ac6
42	f5	0c2
43	0f3	0c3
44	e6	ke8
45	f6	Ng6
46	f7	kf8
47	ads	0c7
48	Bg3	0c2
49	0g2	0g2
50	kg2	ke7
51	Bf2	ke6
52	Bb6	kf7
53	kf3	ke6
54	ke4	kd6
55	Bf2	kcc6
56	0f4	Ne7
57	h4	Nd5
58	b5	ab
59	ab	kd6
60	bb	kc6

	White	Black
61	Bb4	ke7
62	h5	Nf8
63	Bg7	kbb
64	h6	Nh6
65	Bh6	
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Chen ai	
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.05 轮次 Round: 5 台次 Board: 2

白方 White Garidmagnai B 国籍 Federation MGL 等级分 Rating .

黑方 Black Xu Zhihang 国籍 Federation CHN 等级分 Rating .

组别 Group

U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	Nf6
2	Bf4	c5
3	e3	cd
4	ed	Qb6
5	b3	Nd5
6	Bg3	e5
7	Bc4	Qa5
8	Nf2	Nc3
9	Qa5	d5
10	Qe5	Bb6
11	Bd3	Nc6
12	Qe3	Ba3
13	Nf3	Bb2
14	Ng5	Ne4
15	Ne6	fe
16	Be4	g4
17	Bg6	h4
18	Qh4	Ng
19	Bd6	Kc8
20	Qd6	Kd8
21	Qd6	Kc8
22	Rd1	Rf8
23	f4	Rf7
24	Nf3	Bh6
25	Qd5	Rd5
26	Rd5	h6
27	M	Kb7
28	a3	Rat8
29	N5	Nb4
30	Ng	Ne2

	White	Black
31	fg1	Nh4
32	Rh7	Ne2
33	h2	Ng3
34	tg3	Rf8
35	Rd3	Rc6
36	ay	Ka6
37	Kb5	Rf2
38	fg3	Rh2
39	Ne2	Bc3
40	Ne4	Bc5
41	h4	Rg6
42	Kf3	Bh4
43	g4	Rb7
44	g5	Bd1
45	Nd6	Rf6
46	Nd5	Rh7
47	fg4	Ka5
48	Ne3	Rg7
49	Kf5	Rf7
50	fg6	Rd4
51	f5	Ka6
52	Nd5	Rg4
53	Rh5	Bb2
54	Nc7	Ka5
55	Ne6	Bh6
56	Rd7	u6
57	Rg7	Bg7
58	Ng7	Rf1
59	h6	Rh4
60	f7	Kb4

	White	Black
61	Ne8	Rf5
62	Rh4	h6
63	g6	Rg5
64	g7	Rf7
65	f6	
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black 
裁判 Arbiter 	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 5 台次 Board: 2
 白方 White Grandmagrai Bayankosuren 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 2128
 黑方 Black Xu Zhikang 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 2292
 组别 Group U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	Nf6	31	Kg1	Nd4	61	Nef	Rf6
2	Bf4	c5	32	Rh2	Ne2f	62	Rh4f	Kh2
3	e3	cd	33	Kh2	Nf3	63	g6	Rd1
4	cd	Obb.	34	Kg3	Rc8	64	g7	Re1
5	b3	ndr	35	Rd2	Rc6	65	Kd8	
6	Bb3	e5	36	d4	Kab	66		
7	Rc4	Qd4f	37	Kh3	Re2	67		
8	Nd2	h3	38	Kg2	Rb2	68		
9	Qh1	d5	39	Nd2	Bc3	69		
10	Ne2f	Reb	40	Nd4	Be2f	70		
11	Bd3	Nc6	41	f4	Rg4f	71		
12	Re3	Ra3	42	Kf3	Rf6	72		
13	Nf3	Bb2	43	g4	Rb1	73		
14	Nf4	neep	44	g5	Ba1	74		
15	Neb	fe	45	Nd4	Reb	75		
16	Be4	Rd4f	46	Nf5	Rf1	76		
17	Rd4f	Kd7	47	Kg4	Ka1	77		
18	Qd4	hg	48	Ne3	Rg4f	78		
19	Qdb1	Kc8	49	Kf1	Re7	79		
20	Qd4f	Kd8	50	Kf6	Re6	80		
21	Qdb1	Kc8	51	f4	Kab			
22	Rd1	Re2f	52	Nd4	Re2g4			
23	Kf1	Re7	53	Rh1	Bb2			
24	Nf3	Bf4	54	Nd4	Ka1			
25	Qd4	Qd5	55	Neb	Bf6			
26	Rd4	b6	56	Rd2	a6			
27	Nd4	Kb2	57	Rd7	Bg7			
28	d3	Ra8	58	Ng7	Rf1			
29	Kc1	Nd4	59	f6	Rd4			
30	hg	Nd2	60	Kf1	Rd4			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/8/2018 轮次 Round: 5 台次 Board: 3
 白方 White Tantipura 国籍 Federation Thailand 等级分 Rating 1900
 黑方 Black Pang Tao 国籍 Federation China 等级分 Rating 2300

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c6
2	d4	d5
3	Nd2	Nf6
4	e5	Nfd7
5	Bd3	c5
6	c3	b6
7	Ne2 90	Ba6 90
8	NP3 80	Bxd3 67
9	Qxd3 80	Cxd4 66
10	Cxd4 80	BH4 66
11	Bd2 71	Bxd2 66
12	Bxd2 Kxd2 80	Nc6 65
13	Rhc1 69	Rc8 65
14	Qb5 60	Ndb8 65
15	Rc3 57	O-O 64
16	Rac1 57	a6 63
17	Qd3 54	Qe7 54
18	h4 47	f6 51
19	Qe3 41	fxe5
20	Nxe5 4	Na7
21	h5 29	Rxc3
22	Rxc3 28	Nb5
23	Rc2 26	Nd7
24	Nxd7 21	Qxd7
25	Nf4 20	Qf7=
26	Qxe6 19	Qxe6
27	Nxe6 19	Rxf7
28	Kd3 19	Rxc2
29	Kxc2 19	Kf7
30	½-½	

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 3
 白方 White Taiwan 国籍 Federation Taiwan 等级分 Rating 1900
 黑方 Black China 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 2328

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	e6
2		d4
3	Nd2	Nf6
4	e5	Nd7
5	Bd3	e5
6		b6
7	Nc2	Bb6
8	Nf3	Bd3
9	Qd3	cd
10	cd	f6
11	Bd2	f6
12	Kd2	Nf6
13	Rh1	Rcd
14	Qb5	Nd6
15	Rc3	o-o
16	Rac1	a6
17	Qd3	Qe7
18	h4	f6
19	Qe3	fe
20	Ne4	Nd7
21	h5	Kc3
22	Rc3	Nb5
23	Rc2	Nd7
24	Nd7	Qd7
25	Nf4	Qf7
26	Qe4	Qe6
27	Ne4	Nf2
28	cd3	Rc2
29	Kc2	Kf7
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <i>Chowhor</i>	黑方 Black <i>Chowhor</i>
裁判 Arbiter <i>J.</i>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 20180805 轮次 Round: 5 台次 Board: 4
 白方 White Eng Jia Qian 国籍 Federation Mos 等级分 Rating _____
 黑方 Black Li Yimin 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

组别 Group
U18M

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Bh6	Rb6	61		
2	Nf3	Nf6	32	Qd9	Bd7	62		
3	c4	eb	33	ce8	Qf6	63		
4	g3	c6	34	ef	Qf6	64		
5	Qc2	Nbd7	35	Rd4	Qf7	65		
6	Bg2	Bd6	36	Re4	e5	66		
7	0-0	0-0	37	Rh4	Rh6	67		
8	Rd1	h6	38	gh	Be5	68		
9	b3	Qe7	39	Qf6	gf	69		
10	Na3	Bf8	40	Rd1	Qc6	70		
11	Bb2	Re8	41	Rd1	Ke6	71		
12	Q3	Bd6	42	Qc7	Qd6	72		
13	Q4	de	43	Rg7	b5	73		
14	Nef4	Nef4	44	Rd7	b6	74		
15	Qef4	Nf6	45	b6	Rh4	75		
16	Qe2	Nd7	46	Rd7	Qd6	76		
17	Nef5	Ne5	47	Rd7	Qe6	77		
18	de	Bc7	48	Rd7		78		
19	Bd4	Rb8	49			79		
20	Qc4	c5	50			80		
21	h4	g6	51					
22	h5	Qd7	52					
23	h4	Qf8	53					
24	Qe4	Qf5	54					
25	Qe2	Qg5	55					
26	Re1	Qd7	56					
27	Bc1	Qe7	57					
28	Qd4	Qc7	58					
29	Qd4	Rh8	59					
30	Re4	Bd8	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5/4-8-2018 轮次 Round: 5 台次 Board: 4
 白方 White Eng Jia Tan 国籍 Federation Malaysia 等级分 Rating _____
 黑方 Black Li Yimin 国籍 Federation China 等级分 Rating _____

组别 Group
U18 男/M

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Bxh6	Rxh6	61		
2	Nf3	Nf6	32	Qxd9	Bd7	62		
3	Ca	e6	33	Qe6	Qxh6	63		
4	g3	c6	34	exf6	icxf4	64		
5	Qc2	Nh8	35	Rf4	kg7	65		
6	Bg2	Bd6	36	Be4	e5	66		
7	O-O	a-o	37	Rh4	Rxh4	67		
8	Rd1	h6	38	gxh4	Bf5	68		
9	a3	Qe7	39	Bxf5	gxfs	69		
10	Nc3	Bb4	40	Rd1	Kf6	70		
11	Bh2	Res	41	Rd7	Ke6	71		
12	g3	Rd6	42	Rc7	Kd6	72		
13	Ca	dxe4	43	Rg7	h5	73		
14	Nxe4	Nxe4	44	Rxe7	bxc4	74		
15	Qxe4	Nf6	45	bxc4	Rh8	75		
16	Qe2	nd7	46	Rg6	Kd7	76		
17	Ne5	Nxe5	47	Rg7	ice6	77		
18	dxe5	Bc7	48	Rg6		78		
19	Be4	Rb5	49			79		
20	Bc2	c6	50			80		
21	h4	g6	51					
22	h5	Qg5	52					
23	hxg6	fxg6	53					
24	Qe4	Qf5	54					
25	Qe2	Qg5	55					
26	Re1	icg7	56					
27	Bc1	Qe7	57					
28	Qg4	Qf7	58					
29	Qh4	Re4	59					
30	Re4	Bd5	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.5 轮次 Round: 5 台次 Board: 5
 白方 White Wang Ze 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black Van Maximilian 国籍 Federation INA 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Rd1	Rd5	61		
2	f4	Nc6	32	Bd4	Rd8	62		
3	Nf3	g6	33	Nf3	Be5	63		
4	Bb5	Bg7	34	Be5	Rd1	64		
5	Bc6	dc	35	Bh8	fd2	65		
6	d3	db	36	Nd2	Qh1	66		
7	o-o	Nh6	37			67		
8	c3	o-o	38			68		
9	Na3	Rb8	39			69		
10	Qa4	Qb6	40			70		
11	Nc4	Qa6	41			71		
12	Qc2	Bd7	42			72		
13	h3	Re8	43			73		
14	Be3	f5	44			74		
15	b3	Ne5	45			75		
16	e5	Be6	46			76		
17	Re1	Rd8	47			77		
18	Bf2	Qc8	48			78		
19	Rad1	Qc7	49			79		
20	d4	cd	50			80		
21	cd	Rc8	51					
22	Rc1	Bd5	52					
23	Qc3	Bhb	53					
24	g3	Bg7	54					
25	Nfd2	c5	55					
26	dc	ze	56					
27	Ne5	Ne5	57					
28	fe	Bb	58					
29	Kh2	Qc6	59					
30	Rg1	Rd8	60					

签名 Signature:

白方 White <u>Wang Ze</u>	黑方 Black <u>Van Maximilian</u>
裁判 Arbiter <u>J.</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 5 August 2016 轮次 Round: 5 台次 Board: 5 组别 Group: U16

白方 White: Wang Ze 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: _____

黑方 Black: Wang Maxun 国籍 Federation: INA 等级分 Rating: _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	Rd4	Rd5	61		
2	f4	Nc6	32	Rd4	Rd5	62		
3	Nf3	g6	33	Nf3	Bes	63		
4	Bhr	Bg7	34	Bes	Rd4	64		
5	Bc6	b6	35	Rf4	Rd4	65		
6	d3	d6	36	Nf2	Oh2	66		
7	0-0	Nh6	37			67		
8	13	0-0	38			68		
9	Ng3	Mh8	39			69		
10	Qa4	Qb6	40			70		
11	Nc4	Qa6	41			71		
12	Qc2	Rb7	42			72		
13	1a3	Rf6	43			73		
14	Bc3	f5	44			74		
15	b3	Nf7	45			75		
16	e5	Bc6	46			76		
17	Rf1	Rd8	47			77		
18	Rf2	Qd8	48			78		
19	Ra4	Qc7	49			79		
20	Q4	Q4	50			80		
21	Qd4	Rd	51					
22	Qd4	Rd4	52					
23	Qc3	Bh6	53					
24	Q3	Bg7	54					
25	Rf4	e5	55					
26	d4	d4	56					
27	Nf4	Nf4	57					
28	f4	Bd4	58					
29	Qh4	Qc6	59					
30	Rd4	Rd4	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Wang Ze	<i>[Signature]</i>

裁判 Arbiter

[Signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 6 组别 Group V18 B
 白方 White Yoh Yon Hui 国籍 Federation Mal 等级分 Rating _____
 黑方 Black wang ting-hao 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	Nf6	31	k2	k2	61		
2	C4	g8	32	Bv5	e7	62		
3	Nc3	d5	33			63		
4	Cxd5	Nxd5	34			64		
5	e3	Nxc3	35			65		
6	bxc3	Bg7	36			66		
7	Nf3	0-0	37			67		
8	Be2	C5	38			68		
9	0-0	Qa4	39			69		
10	Qb3	Nc6	40			70		
11	a4	Bg5	41			71		
12	b6	Qb5	42			72		
13	Qb5	Bd7	43			73		
14	Qx a5	Nx a5	44			74		
15	Bb5	Bc6	45			75		
16	dx c5	N g3	46			76		
17	C x b6	N x a	47			77		
18	Bx e7	f5	48			78		
19	bxa7	Ra8	49			79		
20	Bx f8	kx f7	50			80		
21	N g 5	Q x a7	51					
22	Nx a7	k e7	52					
23	N g 5	Bx c3	53					
24	Nx e6	Rx e6	54					
25	h3	Bf6	55					
26	Rb1	Nc5	56					
27	R b4	g5	57					
28	k f1	N d7	58					
29	Rc4	N e7	59					
30	Bc6	p d5	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Verbat
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 5 台次 Board: 6
 白方 White Yeoh Yvon Hui 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black wang Ting-hao 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
U18

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	Nf6	31	ke2	kdb	61		
2	c4	g6	32	Bxd5	ed	62		
3	Nc3	d5	33			63		
4	cd	Nxd4	34			64		
5	e3	Nxc3	35			65		
6	bc	Bg7	36			66		
7	Nf3	0-0	37			67		
8	Be2	c5	38			68		
9	0-0	Qa5	39			69		
10	Qb3	Nc6	40			70		
11	a4	Rb8	41			71		
12	bb	Ba3	42			72		
13	Qb45	Bd7	43			73		
14	Qxa5	Nxa5	44			74		
15	Bb5	Beb	45			75		
16	dc	Nb3	46			76		
17	c0b	Nxa1	47			77		
18	Bxe7	Nb3	48			78		
19	ba	Ra8	49			79		
20	Bxf8	Kxf8	50			80		
21	Ng5	Rxa07	51					
22	Nxh7+	Ke7	52					
23	Ng5	Bxc3	53					
24	Nxe6	fe	54					
25	h3	Bf6	55					
26	Rb1	Nc5	56					
27	Rb4	g5	57					
28	Kf1	Nab	58					
29	Rc4	Nc7	59					
30	Bc6	Nd5	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Herbert

裁判 Arbiter

